TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 28/2021/DS-PT
Ngày 31 - 12 - 2021.
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phượng.

Các Thẩm phán:

+ Ông Đinh Huy Lưỡng.

+ Bà Trần Thị Sâm.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Diệp, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2021/QĐPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967.

Nơi ĐKHKTT: phố T, xã Th, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Nơi đang sinh sống: xóm 6, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: bà Vũ Thị H1, sinh năm 1965.

Địa chỉ: thôn V, xã Th, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn V, xã Th, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1994.

Địa chỉ: thôn V, xã Th, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

**. Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị H3*: bà Vũ Thị H1,

sinh năm 1965; Địa chỉ: thôn V, xã Th, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/6/2021).

- Chị Nguyễn Thị HA, sinh năm 1972.

Địa chỉ: thôn V, xã Th, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

4. Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị H (nguyên đơn).

Tại phiên tòa: bà H, bà H1, anh Đ, chị HA đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/4/2021, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Nguyễn Văn D và cụ Phạm Thị N, hai cụ sinh được 02 người con gồm bà và ông Nguyễn Trường Gi, hai cụ không có con riêng và con nuôi. Ông Gi chết năm 2004, có vợ là bà Vũ Thị H1 và 02 con là Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị H3. Cụ N mất năm 2006, cụ D mất năm 2018, khi chết hai cụ đều không để lại di chúc.

Cụ D và cụ N có tạo lập được khối tài sản gồm: 01 gian nhà cấp 4 bà H đang dùng làm nơi thờ cúng; 01 bể nước mưa xây dựng trên diện tích 699m^2 (trong đó có 360m^2 đất thổ cư và 339m^2 đất ao) tại thửa 220 tờ bản đố số 3b xã Th, huyện Y, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn D vào ngày 20/11/1997 (nay là thửa 25 tờ bản đồ số 7); 01 máy điều hòa và diện tích 1.335 m^2 đất 313 được chia chung vào 5 khẩu của gia đình bà Vũ Thị H1 tại 03 thửa: thửa 28 tờ bản đồ số 6 diện tích 306m^2, thửa 37 tờ bản đồ số 6 diện tích 745m^2, thửa 41 tờ bản đồ số 6 diện tích 2.288m^2.

Về công tôn tạo di sản: năm 2005 bà đã sửa lại gian nhà cấp 4 cho cụ N sinh sống, bà đã trát lại tường, làm trần nhựa và lát nền. Đến năm 2016 bà tiếp tục xây dựng nhà vệ sinh làm lại sân bê tông cho cụ D ở, giá trị bà đầu tư cải tạo khoảng 15.000.000đồng. Khi cụ D mất bà đã xây lại tường bao phía Nam và cổng phía Đông Nam, đổ nền sân và lối đi như hiện nay. Nay bà đề nghị tính công tôn tạo sửa lại nhà cấp 4 là 15.000.000đồng và giá trị một số các công trình bà xây mới như mái tôn, đổ sân và xây tường bao. Bà H1 có tôn tạo san lấp diện tích đất ao khoảng 100m^2, độ sâu là 1m. Phần đất ao bà H1 san lấp thì có một phần bà H1 đã xây dựng nhà và các công trình nên bà đề nghị tính công tôn tạo cho bà H1 theo quy định của pháp luật.

Về công duy trì bảo quản di sản: từ khi cụ D mất đến nay, cả bà và bà H1 đều trông coi bảo quản di sản nên bà đề nghị không tính công duy trì bảo quản di sản cho ai.

Về nghĩa vụ của cụ D, cụ N: khi cụ D, cụ N mất không để lại nghĩa vụ đối với ai, còn về chi phí mai táng cho cụ D, cụ N đều do bà đứng lên lo hậu sự và mồ mả cho bố mẹ nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ diện tích đất của cụ D, cụ N có tăng so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 65,6m^2, chính quyền địa phương đã xác định diện tích đất tăng lên là do sai số nên bà đề nghị chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ D, cụ N gồm: 1 gian nhà cấp 4; diện tích 764,6m^2 tại thửa 25 tờ bản đố số 7 xã Th, huyện Y (gồm 360m^2 đất thổ cư và 404,6m^2 đất ao) và 1.335,6 m^2 diện tích đất 313. Bà đề nghị được nhận thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất, trên đất có 01 gian nhà cấp 4 bà đang thờ cúng bố mẹ và đề nghị bà được đi cổng chính phía Đông Bắc, cổng này trước kia bố mẹ bà vẫn đi; nếu chia đất để bà và bà H1 đi chung cổng phía Đông Bắc thì diện tích đất chia cho bà không vuông bà cũng chấp nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm: bà H xác định 01 bể nước xây dựng đã lâu, giá trị sử dụng không đáng kể nên bà không đề nghị tính vào di sản thừa kế đối với 01 bể. Bà H1 xác định 01 máy điều hòa đã cũ nên bà H1 đề nghị không tính là di sản thừa kế để chia, bà H cũng nhất trí.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà Vũ Thị H1 là bị đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị H3 trình bày: bà nhất trí với lời khai của bà H về quan hệ huyết thống, thời gian cụ D và cụ N mất, thời gian chồng bà là ông Gi mất. Khi mất các cụ không để lại di chúc.

Bà cũng xác nhận di sản thừa kế của cụ D, cụ N đã để lại như bà H khai là đúng. Do vợ chồng bà ở cùng hai cụ nên năm 1993 cụ D, cụ N có cho vợ chồng bà diện tích đất 339m^2 nhưng không làm văn bản. Năm 1996 vợ chồng bà đã làm nhà mái bằng 01 tầng, đến năm 2010 xây thêm tầng hai và nhà bếp, công trình vệ sinh như hiện nay. Do thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ D và cụ N cho vợ chồng bà chưa làm thủ tục theo quy định, bà nhất trí chia thừa kế di sản của cụ D, cụ N. Về diện tích đất tăng so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 65,6m^2 bà cũng đề nghị Tòa án xác định là di sản thừa kế. Quá trình giải quyết bà khai di sản thừa kế của hai cụ còn 01 máy điều hòa, tuy nhiên về máy điều hòa này đã cũ, giá trị còn lại không đáng kể nên bà không đề nghị chia thừa kế điều hòa nữa. Bà đề nghị chia di sản thừa kế của cụ D, cụ N gồm 01 nhà cấp 4, quyền sử dụng diện tích 764,6m^2 đất tại thửa 25 tờ bản đồ số 7 xã Th và diện tích 1.335,6 m^2 đất 313 theo quy định của pháp luật. Ông Gi chết nên quyền thừa kế của ông Gi sẽ chia cho cháu Đ và cháu H3.

Về công tôn tạo di sản: quá trình sử dụng đất, vợ chồng bà có san lấp khoảng 240m^2 đất ao, tuy nhiên một phần diện tích đất ao bà san lấp đã xây dựng các công trình gồm nhà và công trình phụ nên phần diện tích san lấp này đã tính vào công trình của gia đình bà nên bà đề nghị xem xét công san lấp đất ao khoảng 50m^2 và độ sâu của ao khoảng 1m theo giá Công ty thẩm định giá đã nêu. Bà cũng chấp nhận tính công tôn tạo di sản cho bà H các công trình như làm mái tôn, đổ sân bê tông, xây tường bao và nhà vệ sinh. Tuy nhiên công cải tạo nhà cấp 4 bà H đề nghị 15.000.000 đồng là cao, bà chỉ chấp nhận tính công cải tạo nhà cấp 4 cho bà H từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

Về công duy trì bảo quản di sản: bà không đề nghị tính công duy trì bảo quản di sản.

Bà H1 đề nghị chia thừa kế cho anh Đ và chị H3 nhận bằng hiện vật và xin được nhận vào diện tích đất vợ chồng bà đã xây dựng nhà hai tầng, công trình phụ. Thửa đất là di sản thừa kế của cụ D và cụ N có hai lối đi nên bà đề nghị chia thừa kế để mỗi người đi một lối đi riêng biệt, bà không đồng ý đi chung lối đi như quan điểm của bà H, bởi vì hai chị em thường xuyên mâu thuẫn không thể sử dụng chung lối đi. Bà sử dụng cổng đi lối phía Đông Bắc, bà H đi cổng phía Đông Nam.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Đ trình bày: anh nhất trí với lời khai của bà H và mẹ anh về quan hệ huyết thống, thời gian cụ D và cụ N mất, thời gian bố anh mất. Khi mất ông bà anh không để lại di chúc. Di sản thừa kế của cụ D, cụ N để lại như bà H và mẹ anh khai là đúng. Diện tích đất thừa kế đo hiện trạng có nhiều hơn so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 65,6m^2, diện tích đất này không tranh chấp với ai và Ủy ban nhân dân cấp xã đã xác định diện tích đất tăng là do sai số trong đo đạc nên anh cũng đồng ý xác định diện tích đất tăng thêm là di sản thừa kế để chia cho các đồng thừa kế. Nay bà H đề nghị chia thừa kế di sản của ông bà anh theo pháp luật, anh cũng nhất trí. Anh đề nghị Tòa án khi chia thừa kế có xem xét đến công tôn tạo di sản cho bố mẹ anh và ý chí trước kia cụ D cụ N đã cho bố mẹ anh đất để xây dựng nhà từ năm 1996. Anh và chị H3 xin được nhận thừa kế bằng hiện vật và nhận vào phần đất mà bố mẹ anh đã xây dựng nhà hai tầng cùng công trình phụ. Di sản thừa kế có hai lối đi nên anh đề nghị chia thừa kế để anh và bà H mỗi bên có một lối đi riêng biệt, anh không nhất trí với quan điểm của bà H để hai nhà chung lối đi phía Đông Bắc.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

1. Căn cứ vào các điều 609, Điều 611, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 651 Bộ luật Dân sự. Điều 99, Điều 167 Luật Đất đai. Các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn D và cụ Phạm Thị N gồm: 01 gian nhà cấp 4 trên diện tích 699m^2 đất (trong đó 360m^2 đất thổ cư và 339m^2 đất ao) đo đạc thực tế là 764,6m^2 (gồm đất ở 360m^2 và đất ao 404,6m^2) tại thửa 220 tờ bản đổ số 3b (nay là thửa 25 tờ bản đồ số 7) xã Th, huyện Y đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn D vào ngày 20/11/1997 và 1.335,6 m^2 diện tích đất 313 theo pháp luật.

2.1. Chia cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng diện tích 745m^2 đất 313 tại thửa 37 tờ bản đồ số 6 xã Th, huyện Yên Mô có giá trị 52.150.000 đồng và được quyền sử dụng diện tích 356 m^2 tại thửa số 25 tờ bản đồ số 7 xã Th

huyện Y (trong đó: 178 m^2 đất thổ cư; 178 m^2 đất ao) có giá trị 359.560.000 đồng.

Bà H được quyền sở hữu 01 nhà cấp 4, 01 nhà vệ sinh; mái tôn, tường bao phía Đông tường bao phía Nam, cổng phía Đông Nam, 45 cây chuối trên diện tích đất thổ cư và đất ao có tổng giá trị là 44.798.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bà Nguyễn Thị H được chia là: 456.508.000 đồng. Đối trừ với kỷ phần bằng giá trị bà H được hưởng là 423.413.000 đồng và công tôn tạo bà H được thanh toán là 34.180.000 đồng; bà H còn được nhận 1.085.000 đồng tiền chênh lệch tài sản do anh Đ, chị H3 thanh toán.

- Bà Nguyễn Thị H được sở hữu các tài sản và cây cối bà H1 xây dựng trên diện tích chia cho bà H gồm: 02 gian nhà cấp 4; 01 bức tường giữa thửa đất; 4 cây hoa hồng; 01 cây đào; 01 cây hồng xiêm.

2.2. Chia cho anh Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thị H3 được quyền sử dụng diện tích 590,6m^2 đất 313 tại thửa 28 và 41 tờ bản đồ số 6 xã Th, huyện Y có giá trị 41.342.000 đồng và được quyền sử dụng diện tích 408,6 m^2 đất tại thửa số 25 tờ bản đồ số 7 xã Th, huyện Y (trong đó: 182 m^2 đất thổ cư; 226,6 m^2 đất ao) có giá trị 388.156.000 đồng.

(Có sơ đồ kèm theo).

Tổng giá trị tài sản anh Đ, chị H3 được chia là: 429.498.000 đồng.

- Anh Đ chị H3 thanh toán công tôn tạo cho bà H1 5.000.000 đồng.

2.3. Công nhân sự thỏa thuận của bà H và anh Đ: anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị H3 không phải thanh toán chênh lệch tài sản do nhận kỷ phần nhiều hơn cho bà H số tiền 1.085.000 đồng.

Công nhận sự thỏa thuận của bà H1 bà H: bà H không phải thanh toán giá trị các tài sản và cây cối bà H1 xây dựng và trồng trên diện tích đất chia cho bà H.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 07/10/2021 bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô. Bà H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: xử cho bà H được đi chung lối đi thẳng ra đường trục chính của xã là hướng Đông Bắc. Nếu Tòa xử cho bà đi lối phía cổng phụ Đông Nam vừa hẹp vừa khúc khủy thì anh Đ, chị H3 phải bồi thường chênh lệch cho bà số tiền 200.000.000 đồng để đảm bảo công bằng. Đề nghị Tòa án xử cho bà đất thổ và đất ao được bằng nhau, vì Tòa án huyện Yên Mô xử cho bà còn thiếu so với anh Đ và chị H3 là 52,6m^2.

Tại phiên tòa:

- Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

- Bà H1, anh Đ không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà H và đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bà HA xác định ranh giới giữa thửa đất ông D và thửa đất nhà bà đã được xác định bằng tường bao và không có tranh chấp gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử: không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà H phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H được làm trong thời hạn pháp luật quy định và đúng hình thức, nội dung theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ D và cụ N là: 01 gian nhà cấp 4; quyền sử dụng 764,6m^2 đất tại thửa 25 tờ bản đố số 7 xã Th, huyện Yên Mô và 1.335,6 m^2 đất 313. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp về thừa kế tài sản" theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng pháp luật.

Về thời hiệu khởi kiện: cụ Phạm Thị N chết ngày 19/11/2006, cụ Nguyễn Văn D chết ngày 02/02/2018. Theo quy định tại Điều 611 Bộ luật Dân sự thì thời điểm mở thừa kế di sản của cụ N là ngày 19/11/2006 và thời điểm mở thừa kế di sản của cụ D là ngày 02/2/2018.

Ngày 05/4/2021 bà Nguyễn Thị H khởi kiện đề nghị chia di sản thừa kế của cụ D và cụ N là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, các đương sự đều thừa nhận cụ D, cụ N chết không để lại di chúc nên có căn cứ chia di sản của cụ D, cụ N theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về mối quan hệ gia đình.

Bà H, bà H1 đều xác định cụ D, cụ N có 02 người con là ông Nguyễn Trường Gi và bà Nguyễn Thị H; hai cụ không có con nuôi và con riêng.

[2.2] Về xác định những người thừa kế:

Ông Nguyễn Trường Gi mất ngày 14/10/2004, ông Gi có 02 con là anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị H3. Do ông Gi chết trước cụ D và cụ N, theo quy định tại Điều 652 Bộ luật Dân sự thì anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị H3 được hưởng thừa kế thế vị phần di sản mà ông Gi nếu còn sống được hưởng. Như vậy tại thời điểm mở thừa kế hàng thừa kế thứ nhất của cụ D cụ N là bà Nguyễn Thị H và người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Trường Gi là anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị H3.

[2.3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

[2.3.1] Bà H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử cho bà H được đi chung lối đi thẳng ra đường trục chính của xã là hướng Đông Bắc. Nếu Tòa xử cho bà đi lối phía cổng phụ Đông Nam thì anh Đ, chị H3 phải bồi thường chênh lệch cho bà số tiền 200.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, trên bản đồ địa chính và thực trạng sử dụng đất đang tồn tại hai lối đi, đó là lối đi phía Đông Bắc và lối đi phía Đông Nam, cả hai lối đi này đều nối ra đường trục liên xã, đủ lối đi ra đường công cộng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định và chia di sản thừa kế cho mỗi bên được hưởng là phù hợp với thực trạng của thửa đất, đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự, mỗi người sử dụng một lối đi riêng biệt và không phải bồi thường chênh lệch về lối đi như Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3.2] Bà H đề nghị Tòa án xử cho bà đất thổ và đất ao được bằng nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hiện trạng của thửa đất và chia cho bà được quyền sử dụng diện tích 356 m^2 (trong đó: 178 m^2 đất thổ cư; 178 m^2 đất ao); chia cho anh Đ, chị H3 được quyền sử dụng diện tích 408,6 m^2 đất (trong đó: 182 m^2 đất thổ cư; 226,6 m^2 đất ao) là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi đối trừ số tài sản hiện vật được chia, anh Đ chị H3 có trách nhiệm trả chênh lệch tài sản do nhận kỷ phần nhiều hơn cho bà H là 1.085.000 đồng nhưng do tại phiên tòa bà H và anh Đ thỏa thuận, bà H không yêu cầu anh Đ, chị H3 phải thanh toán chênh lệch tài sản do nhận kỷ phần nhiều hơn kỷ phần được hưởng. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự: anh Đ chị H3 không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bà H số tiền 1.085.000 đồng là đúng pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Những phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do yêu cầu kháng cáo của bà H không được chấp nhận nên bà H pHA chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2021/0006200 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- TAND huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng